

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	7
DANH MỤC CÁC BẢNG	8
CHƯƠNG I.....	9
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	9
1. Tên chủ dự án đầu tư: Hộ chăn nuôi Trương Quang Dũng	9
2. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.	9
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:	9
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	9
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	9
3.3 Sản phẩm dự án	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	12
4.1. Nguyên liệu sử dụng.....	12
4.2. Hóa chất sử dụng	13
4.3. Nhu cầu sử dụng điện	13
4.4. Nhu cầu sử dụng nước	14
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	15
5.1. Quy mô xây dựng	15
CHƯƠNG II	16
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	16
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	16
Chương III.....	17
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	17
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	17
1.1. Hiện trạng môi trường khu vực Dự án.....	17
1.1.1. Hiện trạng môi trường không khí.....	17
1.1.2. Hiện trạng môi trường nước mặt	19
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	20

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn tiếp nhận nước thải	20
2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải	21
CHƯƠNG IV	22
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	22
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:	22
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải	22
2.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:	23
1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	24
1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	25
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	25
2.1. Về công trình biện pháp xử lý nước thải	25
2.1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải chăn nuôi	25
2.1.2. Nước thải sinh hoạt	26
2.2. Về công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải	26
2.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm do mùi hôi	26
2.2.2. Giảm thiểu mùi hôi từ hoạt động xuất bán	26
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn	27
2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	27
2.3.2. Chất thải rắn sản xuất	27
2.3.3. Chất thải nguy hại	28
2.4. Về công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường	28
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	29
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	29
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	31
CHƯƠNG V	33
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	33
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	33
2. Nội dung cấp phép đối với khí thải	33

3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	33
CHƯƠNG VI.....	34
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	34
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	34
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	34
2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ và quan trắc tự động, liên tục	34
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	34
2.2.1. Giám sát chất lượng không khí	34
3. Kinh phí thực hiện quan trắc định kỳ hằng năm	34
CHƯƠNG VII	35
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	35
PHỤ LỤC BÁO CÁO	36

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	7
DANH MỤC CÁC BẢNG	8
CHƯƠNG I.....	9
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	9
1. Tên chủ dự án đầu tư: Hộ chăn nuôi Trương Quang Dũng.....	9
- Địa chỉ: thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	9
2. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.	9
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:	9
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	9
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	9
- Công nghệ của dự án đầu tư:.....	9
3.3 Sản phẩm dự án	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	12
4.1. Nguyên liệu sử dụng.....	12
Bảng 1.1. Khối lượng thức ăn cho gà thịt của Dự án	13
4.2. Hóa chất sử dụng	13
4.3. Nhu cầu sử dụng điện	13

4.4. Nhu cầu sử dụng nước	14
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án.....	14
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	15
5.1. Quy mô xây dựng.....	15
Bảng 1.3. Quy mô xây dựng các hạng mục công trình.....	15
CHƯƠNG II.....	16
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	16
Hiện tại, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá khả năng phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	16
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	16
Hiện tại, UBND tỉnh chưa ban hành khả năng chịu tải của môi trường của khu vực nên chưa có cơ sở để đánh giá khả năng phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường. Tuy nhiên, theo dữ liệu hiện trạng môi trường môi trường khu vực dự án cho thấy các chỉ tiêu ô nhiễm vẫn nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn. Đồng thời, hoạt động của dự án có phát sinh nước thải nhưng được thu gom, xử lý, không thải ra ngoài môi trường.....	16
Chương III	17
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	17
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	17
1.1. Hiện trạng môi trường khu vực Dự án	17
1.1.1. Hiện trạng môi trường không khí.....	17
Bảng 3.1. Kết quả đo đạc, phân tích môi trường không khí xung quanh.....	17
1.1.2. Hiện trạng môi trường nước mặt	19
Bảng 3.2. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt	19
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	20
2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn tiếp nhận nước thải	20
2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải	21
CHƯƠNG IV	22
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	22

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:.....	22
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải	22
2.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:	23
1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	24
1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	25
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	25
2.1. Về công trình biện pháp xử lý nước thải	25
2.1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải chăn nuôi.....	25
2.1.2. Nước thải sinh hoạt	26
2.2. Về công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải	26
2.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm do mùi hôi	26
2.2.2. Giảm thiểu mùi hôi từ hoạt động xuất bán.....	26
2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn.....	27
2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt.....	27
2.3.2. Chất thải rắn sản xuất	27
2.3.3. Chất thải nguy hại	28
Bảng 4.1. Danh mục các loại CTNH của Trang trại	28
2.4. Về công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường	28
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	29
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	29
Bảng 4.2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	29
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	31
Bảng 4.3. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp	31
CHƯƠNG V	33
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	33
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	33
2. Nội dung cấp phép đối với khí thải.....	33
3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	33
CHƯƠNG VI.....	34

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	34
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.....	34
Dự án không có các công trình xử lý cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó, Chủ dự án không đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	34
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật.....	34
2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ và quan trắc tự động, liên tục.....	34
2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án	34
2.2.1. Giám sát chất lượng không khí	34
3. Kinh phí thực hiện quan trắc định kỳ hằng năm.....	34
CHƯƠNG VII.....	35
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	35
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	36

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Diễn giải
1	BTNMT	Bộ tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
4	CTNH	Chất thải nguy hại
5	CTR	Chất thải rắn
6	KT-XH	Kinh tế - xã hội
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	QĐ	Quyết định
9	UBND	Ủy ban nhân dân
10	WHO	Tổ chức Y tế thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Khối lượng thức ăn cho gà thịt của Dự án	13
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án.....	14
Bảng 1.3. Quy mô xây dựng các hạng mục công trình	15
Bảng 3.1. Kết quả đo đạc, phân tích môi trường không khí xung quanh.....	17
Bảng 3.2. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt	19
Bảng 4.1. Danh mục các loại CTNH của Trang trại	28
Bảng 4.2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	29
Bảng 4.3. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp.....	31

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Hộ chăn nuôi Trương Quang Dũng

- Địa chỉ: thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Trương Quang Dũng
- Điện thoại: 0905127155

2. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: khu đất dự án được thực hiện tại thửa đất số 756, 756/1; 756/2; 756/3; 756/4; 756/5; 756/6; 756/7, tờ bản đồ 12, thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị có diện tích sử dụng là 40.888m².

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, có tổng mức đầu tư là 3.900.000.000 đồng, theo quy định tại khoản 3, điều 10, Luật Đầu tư công năm 2019, dự án thuộc dự án nhóm C.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

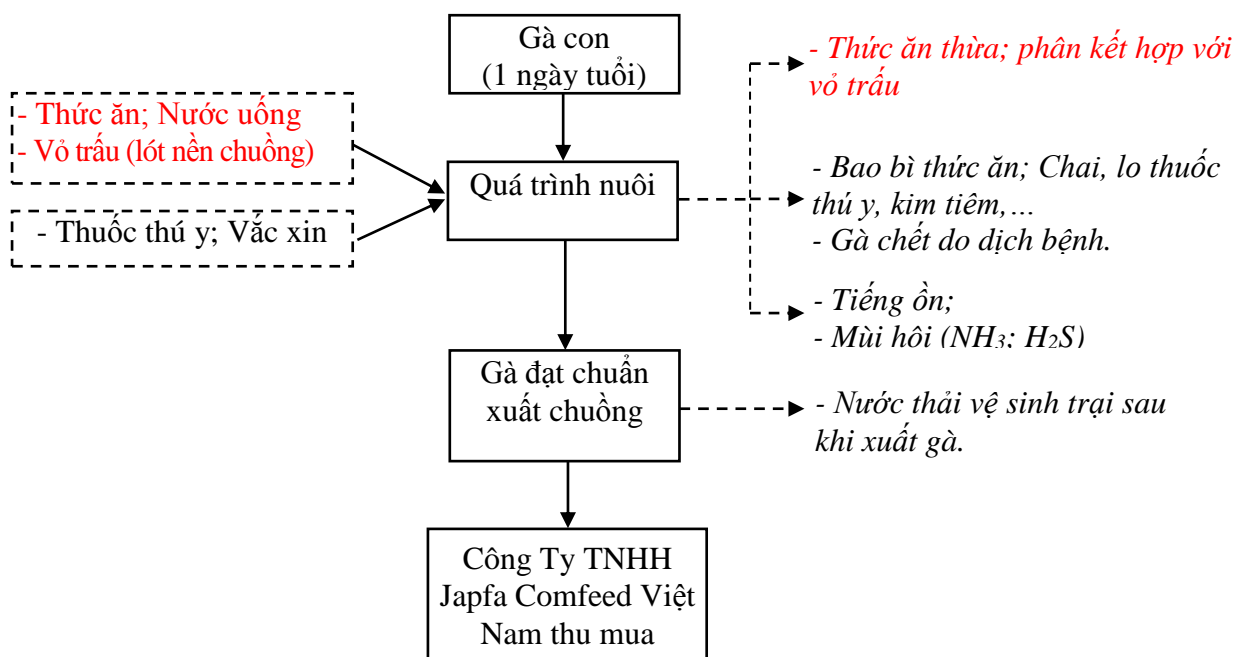
3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Dự án chăn nuôi gà thịt có công suất 25.000 con/lứa (04 lứa/năm), trọng lượng mỗi con gà khoảng 1,8kg.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

- Công nghệ của dự án đầu tư:

Quy trình chăn nuôi gà thịt của Trang trại như sau :



*** Vị trí, hệ thống hạ tầng chuồng trại và thiết bị dụng cụ chăn nuôi**

Dự án hoạt động theo hình thức chăn nuôi gia công, trong đó gà con, thức ăn, thuốc thú y sẽ do Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cung cấp. Chủ Dự án có nhiệm vụ xây dựng chuồng trại theo đúng yêu cầu trại lạnh khép kín, trang bị các dụng cụ đựng thức ăn, vệ sinh chuồng trại, chăm sóc và nuôi gà con (1 ngày tuổi) từ lúc nhập chuồng cho đến khi xuất với mỗi đợt nuôi là 25.000 con/đợt/80 ngày. Khi gà thịt đạt chuẩn khoảng 1,8kg sẽ tiến hành xuất chuồng. Sau khi xuất chuồng tiến hành vệ sinh, phun hóa chất Cloramin khử trùng chuồng trại trước khi nuôi lứa tiếp theo.

Gà con (1 ngày tuổi) sau khi nhập về sẽ được kiểm tra nhằm đảm bảo không bị bệnh, sau đó được đưa vào quây úm tại chuồng nuôi từ 10-14 ngày với nhiệt độ úm thích hợp cho gà trong tuần đầu là 32-34°C và cứ sau một tuần nhiệt độ sẽ giảm xuống 2°C (thiết bị dùng sưởi ấm cho gà bằng đèn sưởi công nghiệp). Đồng thời, cho gà uống nước trong vòng 2-4 giờ đầu và uống đầy đủ nước có hoà vitamin C và đường glucose sau đó mới đổ cám cho gà con tập ăn.

Khi gà còn nhỏ tiến hành cho ăn nhiều lần trong ngày, mỗi lần bỏ một ít thức ăn và thức ăn phải luôn luôn mới. Trước khi đổ thức ăn mới, phải làm sạch khay đựng thức ăn. Sau 2 tuần số lần cho ăn trong ngày sẽ giảm dần. Gà càng lớn thời gian ăn càng nhanh hơn, nên chỉ cho gà ăn vào buổi sáng và buổi chiều mát để tránh hiện tượng gà bị chết nóng.

Ngoài ra, để hạn chế phát sinh mùi hôi, dịch bệnh ở gà và thuận tiện cho công tác thu dọn phân gà phát sinh, Chủ dự án sẽ sử dụng vỏ trấu làm đệm lót nền các chuồng nuôi gà với bề dày từ 8-10cm, định kỳ 2-3 ngày tiến hành đảo lớp đệm lót và phun chế phẩm sinh học. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền chuồng (tiến hành cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu 1 - 3 cm) và luôn giữ cho nền đệm lót khô để phân hủy phân tốt. Kết thúc quá trình nuôi (80 ngày) tiến hành thu gom phân và lớp đệm lót về khu vực ủ phân.

Đồng thời, trong quá trình nuôi sẽ thường xuyên tiêm phòng cho gà để hạn chế dịch bệnh và tổ chức vệ sinh, sát trùng chuồng trại.

Gà sau khi nuôi đạt trọng lượng trung bình 1,8kg tương ứng 75-80 ngày tiến hành xuất chuồng (ở mức thể trọng này phẩm chất thịt ngon nhất).

Sau khi gà xuất chuồng tiến hành vệ sinh tổng thể trên toàn bộ khu vực chuồng nuôi. Quá trình này bao gồm vệ sinh chuồng, các thiết bị máng ăn, núng uống; Thu gom, xử lý phân gà; phun chế phẩm sinh học và khử trùng chuồng trại.

*** Con giống và phương pháp quản lý đàn:**

- Con giống sản xuất là giống gà thịt lông trắng được nhập từ Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, có lý lịch rõ ràng, khỏe mạnh và được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phù hợp với lứa tuổi gà theo quy định của thú y.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

- Có sổ sách theo dõi tình hình ăn, uống, phân và biểu hiện của gà để có những can thiệp kịp thời. Đồng thời có sổ theo dõi, ghi chép đầy đủ về số lượng và tình trạng sức khỏe đàn gà, các chi phí chăn nuôi để hạch toán kinh tế.

**** Thức ăn:***

- Thức ăn được lấy từ Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

- Sử dụng thức ăn hỗn hợp phù hợp với từng lứa tuổi.

- Sử dụng thức ăn rõ nguồn gốc, xuất xứ.

- Không sử dụng thức ăn có hoặc cho vào thức ăn chăn nuôi các hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi theo các văn bản của Nhà nước và Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định.

- Thức ăn, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nơi để bảo quản riêng biệt, khô ráo. Có các giá kê thức ăn và nguyên liệu, không đặt trực tiếp bao thức ăn xuống nền nhà; đồng thời, có các biện pháp ngăn ngừa, diệt chuột và các loại côn trùng gây hại.

**** Quản lý dịch bệnh:***

- Tất cả số lượng con giống đưa về trang trại đều được đăng ký kê khai chăn nuôi với UBND xã Hải Lệ theo Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và báo cáo với trạm Chăn nuôi và thú y thị xã Quảng Trị để trạm cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, quản lý.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại.

- Đảm bảo quy trình tiêm phòng.

- Thường xuyên theo dõi sức khỏe của đàn vật nuôi.

- Đáp ứng đầy đủ mọi biện pháp phòng chống dịch bệnh.

- Xử lý chất thải đúng quy trình.

- Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh, chủ cơ sở chăn nuôi phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc chính quyền địa phương và tiến hành xử lý gà bệnh theo sự chỉ đạo của chuyên môn thú y, đồng thời phải có ghi chép theo quy định.

**** Công tác thú y và vệ sinh thú y***

- Vệ sinh chuồng trại: hàng ngày quét dọn, thu gom chất thải rắn và chất thải lỏng. Định kỳ phát quang bụi rậm xung quanh chuồng nuôi, khơi thông cống rãnh.

- Khử trùng chuồng trại: thực hiện vệ sinh, khử trùng chuồng trại, các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi trước khi đưa gà vào nuôi theo đúng quy định. Vệ sinh, khử trùng chuồng trại, các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi ngay sau khi chuyển đàn/ xuất bán và để trống chuồng ít nhất 7 ngày. Định kỳ phun thuốc khử trùng toàn bộ diện tích xung quanh khu vực chuồng nuôi.

- Kiểm soát ra vào khu vực chăn nuôi: Các phương tiện dụng cụ, giày dép, ủng đều phải thực hiện khử trùng trước khi ra/vào khu chăn nuôi. Định kỳ khử

trùng các thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong khu chăn nuôi. Hạn chế khách thăm quan và những người không phận sự ra vào khu chăn nuôi. Nếu cần thiết thăm thì khách phải thay quần áo, giày dép, đồ bảo hộ phù hợp và thực hiện các biện pháp khử trùng trước khi ra vào khu vực chăn nuôi.

- Bảo hộ lao động: Có quần áo, bảo hộ lao động sử dụng riêng trong khu vực chăn nuôi. Người chăn nuôi phải thay quần áo, bảo hộ lao động khi ra vào khu vực chăn nuôi, đồng thời định kỳ khử trùng quần áo, bảo hộ lao động.

- Tiêm phòng: phải tiêm phòng vắc xin đầy đủ đối với các bệnh bắt buộc theo quy định của ngành thú y và phải ghi chép lại.

- Sử dụng thuốc thú y: tất cả các loại thuốc thú y, thuốc kháng sinh khi mua và sử dụng phải tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc chỉ dẫn của bác sỹ thú y. Nên có nơi bảo quản thuốc riêng biệt.

- Chất cấm: Không sử dụng các hóa chất, chất tạo nạc, chất kháng sinh... nằm trong danh mục cấm sử dụng trong chăn nuôi của Nhà nước và của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định.

** Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường*

- Hàng ngày thu gom chất thải rắn (phân, chất độn chuồng nếu có) đưa đến nơi tập trung để xử lý. Dùng chế phẩm sinh học để ủ phân và chất độn chuồng và định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh hố ủ.

- Các chất thải rắn khác như: kim tiêm, túi nhựa, đồ nhựa, v.v... được thu gom và xử lý riêng.

- Xác gà chết do bệnh hoặc không rõ nguyên nhân cần được thu gom và xử lý theo đúng quy định của thú y. Tuyệt đối không bán gà chết ra thị trường và không được vứt xác gà chết ra môi trường xung quanh.

3.3 Sản phẩm dự án

Sản phẩm của dự án: 25.000 con gà thương phẩm/lứa (4 lứa/năm), trọng lượng mỗi con gà khoảng 1,8kg.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nguyên liệu sử dụng

- Nhu cầu về thức ăn chăn nuôi: Nguồn cung cấp thức ăn sử dụng tại Trang trại do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cung cấp, theo từng thời kỳ phát triển của gà từ khi nhập về (gà 1 ngày tuổi) đến khi xuất chuồng (80 ngày) sẽ có nhu cầu, khối lượng thức ăn thích hợp. Loại thức ăn là thức ăn công nghiệp hỗn hợp dạng viên giành cho gà thịt với thành phần thức ăn gồm: Cám gạo, bắp, tấm, bột cá, dầu khô các loại, axit amin, khoáng đa lượng.

Với quy mô chăn nuôi gà thịt của Trang trại là 25.000 con/lứa, lượng thức ăn cho gà từ lúc nhập đến khi xuất chuồng như sau:

Bảng 1.1. Khối lượng thức ăn cho gà thịt của Dự án

Tuần tuổi	Nhu cầu thức ăn (gam/con/ngày)	Tần suất cho ăn	Khối lượng thức ăn (gam/ngày)	Khối lượng (tấn/ngày)
Giai đoạn gà con (0 – 4 tuần tuổi):	3-3,3	4-6 lần/ngày	82.500	0,083
Giai đoạn gà lớn (5 tuần tuổi đến xuất chuồng)	30-32,3	2 lần/ngày	807.500	0,81

- Nhu cầu sử dụng vỏ trấu: Trang trại sử dụng vỏ trấu để làm đệm lót sinh học tại các chuồng nuôi để giảm thiểu mùi hôi với bề dày từ 8-10cm/01 chuồng. Như vậy, với tổng diện tích chuồng nuôi là 2.052 m² thì khối lượng vỏ trấu cần cho chuồng trại là 205,2 m³. Với tỷ trọng trấu khoảng 110kg/m³ thì lượng trấu cần sử dụng là 22,6 tấn. Vỏ trấu sẽ được Chủ dự án thu mua trên địa bàn thị xã Quảng Trị và lân cận.

4.2. Hóa chất sử dụng

- Nhu cầu thuốc thú y, vắc-xin:

Các loại thuốc thú y sử dụng tại Trang trại cũng do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cung cấp. Chúng loại thuốc thú y, vắc-xin, hóa chất khử trùng sử dụng tuân theo các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực Thú y (Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam). Về liều lượng sử dụng theo chỉ định của Công ty.

+ Các vắc-xin sử dụng chủ yếu gồm: Newcastle chủng F, chủng Laxota, Laxota chịu nhiệt; Đậu gà; Gumboro; Tụ huyết trùng gia cầm, Vitamin E, C,...

+ Các hóa chất khử trùng, tiêu độc chuồng trại và các loại thuốc thú y chủ yếu gồm: vôi bột, Chloramin, NaOH 3-5%, Formol 3-5%,...

+ Thuốc kháng sinh: Oxytetracyclin, Tetracyclin, Ampicyclin, ...

+ Chế phẩm sinh học xử lý chất thải: EM,...

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện sử dụng của trang trại được lấy từ đường dây 22kV chạy dọc tuyến đường khu vực nằm phía Nam dự án. Lượng điện sử dụng khoảng 6.000kVA/tháng.

4.4. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước sử dụng của dự án được lấy từ giếng khoan trong phạm vi trang trại.

- Nhu cầu về nước: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động của toàn bộ Dự án lấy từ nguồn nước giếng khoan trong khu vực. Lượng nước sử dụng cho Dự án bao gồm:

+ Nước dùng cho sinh hoạt của công nhân: 2 công nhân x 100 lít/người/ngày $\approx 0,2\text{m}^3/\text{ngày}$ (Theo TCXDVN 33:2006).

+ Nước cho gà uống: nhu cầu dùng nước của gà phụ thuộc vào độ tuổi, lượng thức ăn gà tiêu thụ và nhiệt độ môi trường. Đối với gà thịt, định mức cấp nước uống cho gà là 166ml/ngày/con. Như vậy, lượng nước cho gà uống của Dự án là:

$$25.000 \text{ con} \times 166\text{ml}/\text{con}/\text{ngày} = 4,2 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nước vệ sinh chuồng trại: Trang trại thực hiện nuôi gà theo quy trình trại lạnh khép kín nên các công tác vệ sinh chuồng trại chỉ thực hiện sau khi gà đã xuất chuồng. Hiện tại, với chuồng nuôi có diện tích 2.052 m² tiêu tốn khoảng 2,5m³ nước cho quá trình vệ sinh chuồng trại.

- Nước làm mát chuồng trại: cấp lần đầu khoảng 4m³, lượng nước này được sử dụng tuần hoàn, hàng ngày chỉ châm bổ sung khoảng 0,5 m³/ngày do lượng nước thất thoát.

- Nước khử trùng: sử dụng pha chất khử trùng để khử trùng xe, công nhân ra vào trại, với lưu lượng nước sử dụng khoảng 0,1 m³/đợt.

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án

TT	Đối tượng sử dụng nước	Quy mô	Định mức sử dụng	Khối lượng nước (m ³ /ngày.đêm)	
				Sử dụng hàng ngày	Không định kỳ
1	Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân	2 người	100 lít/người	0,2	
2	Nước cấp cho hoạt động chăn nuôi				
	Nước cho gà uống	25.000 con/đợt	166ml/con /ngày	4,2	
	Nước vệ sinh chuồng trại	5 chuồng	0,5m ³ /chuồng	-	2,5
	Nước làm mát chuồng trại	-	-	0,5	
	Nước khử trùng	-	-	0,1	
	Tổng cộng	-	-	4,8	2,5

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Quy mô xây dựng

Khu vực dự án thực hiện trên khu đất trước đây là trang trại chăn nuôi lợn của Công ty TNHH MTV Hòa Nhi. Toàn bộ tài sản và đất đã được chuyển nhượng cho hộ chăn nuôi Trương Quang Dũng, do đó một số hạng mục đã được xây dựng. trong giai đoạn này Chủ dự án sẽ thực hiện cải tạo và xây mới một số công trình, cụ thể như sau:

Bảng 1.3. Quy mô xây dựng các hạng mục công trình

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m²)	Ghi chú
I	Các hạng mục chính		
1	Nhà nuôi gà thịt (5 nhà)	2.052	Cải tạo
II	Các hạng mục phụ trợ		
2	Nhà kho thức ăn	80	Cải tạo
3	Nhà công nhân	100	Đã xây dựng
4	Khu vực khử trùng người	14	Xây mới
5	Bồn nước	30	Đã xây dựng
6	Khu vực khử trùng xe	54	Xây mới
7	Nhà đặt máy phát điện	20	Xây mới
8	Sân đường nội bộ	300	Đã xây dựng
III	Hạng mục BVMT		
9	Cây xanh + hồ nước	37.988	Đã xây dựng
10	Khu vực bố trí hố hủy xác	100	Xây mới
11	Kho chứa CTR + CTNH	100	Xây mới
12	Bể chứa nước thải + khu vực ủ phân	50	Xây mới
Tổng cộng		40.888	

- Tiến độ thực hiện dự án: từ tháng 02/2023, thời gian thi công khoảng 4 tháng

- Số lượng công nhân trong giai đoạn thi công khoảng 20 người, số lượng công nhân trong giai đoạn hoạt động khoảng 2 người

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện tại, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nên chưa có cơ sở để đánh giá khả năng phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện tại, UBND tỉnh chưa ban hành khả năng chịu tải của môi trường của khu vực nên chưa có cơ sở để đánh giá khả năng phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường. Tuy nhiên, theo dữ liệu hiện trạng môi trường môi trường khu vực dự án cho thấy các chỉ tiêu ô nhiễm vẫn nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn. Đồng thời, hoạt động của dự án có phát sinh nước thải nhưng được thu gom, xử lý, không thải ra ngoài môi trường.

Chương III

HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

1.1. Hiện trạng môi trường khu vực Dự án

Để đánh giá chất lượng môi trường khu vực Dự án, báo cáo tham khảo số liệu hiện trạng môi trường theo Báo cáo tổng hợp kết quả Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2022 và hiện trạng môi trường theo báo cáo ĐTM của dự án: Nhà máy sản xuất gạch không nung, bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn thực hiện năm 2021. Kết quả như sau:

1.1.1. Hiện trạng môi trường không khí

Bảng 3.1. Kết quả đo đạc, phân tích môi trường không khí xung quanh

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả						QCVN 05 (TB 1 giờ)
			Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		
			KK2	KK3	KK2	KK3	KK2	KK3	
1	Nhiệt độ	°C	28,2	28,4	25,7	26,3	25,8	25,2	-
2	Độ ẩm	%	75	77	79	73	81	76	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,1	1,5	1,4	1,1	1,6	1,4	-
4	Độ ồn	dB(A)	64,1	62,4	65,1	64,5	64,7	60,8	70 ⁽¹⁾
5	Bụi lơ lửng	µg/m ³	110	197	239	111	189	205	300
6	NO ₂	µg/m ³	23	17	17	15	14	23	200
7	SO ₂	µg/m ³	18	15	22	18	22	18	350
8	CO	µg/m ³	KPH (3000*)	KPH (3000*)	KPH (3000*)	KPH (3000*)	KPH (3000*)	KPH (3000*)	30.000

Ghi chú:

- Thời gian lấy mẫu: Đợt 1 (Ngày 30/11/2021); đợt 2 (Ngày 03/12/2021) và đợt 3 (Ngày 06/12/2021);

- KK2: Tại cổng vào cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị;

- KK3: Tại khu dân cư thôn Tích Tường, xã Hải Lệ, cách khu vực Dự án khoảng 250m về phía Đông Bắc;

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- (-) Quy chuẩn không quy định;

- KPH: Không phát hiện;

- ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ).

Nhận xét: Qua kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn ở bảng trên cho thấy tất cả các thông số đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn tại thời điểm khảo sát đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Điều đó cho thấy chất lượng không khí, mức ồn trong và lân cận khu vực Dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, chưa bị tác động nhiều bởi các hoạt động giao thông và sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Hiện trạng môi trường nước mặt

Bảng 3.2. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM					QCVN 08-MT:2015/BTNMT			
			T2TH4	T3TH4	T5TH4	T7TH4	T9TH4	A1	A2	B1	B2
1	Nhiệt độ	°C	21,7	21,5	26,9	29,6	26,8	-	-	-	-
2	pH	-	6,6	6,2	7,2	7,3	6,8	6 - 8,5	6 - 8,5	5,5 - 9	5,5 - 9
3	TSS	mg/l	5,2	4,2	5,4	5,0	5,4	20	30	50	100
4	DO	mg/l	6,5	6,1	6,4	6,1	6,1	≥6	≥5	≥4	≥2
5	BOD ₅	mg/l	1,9	1,8	1,9	2,0	1,5	4	6	15	25
6	COD	mg/l	7	7	11	9	9	10	15	30	50
7	NH ₄ -N	mg/l	0,09	0,06	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	KPH(0,02*)	0,3	0,3	0,9	0,9
8	NO ₃ -N	mg/l	0,23	0,37	0,34	0,08	0,17	2	5	10	15
9	PO ₄ -P	mg/l	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	KPH(0,03*)	0,1	0,2	0,3	0,5
10	Fe	mg/l	0,16	0,35	0,328	0,15	0,105	0,5	1,0	1,5	2
11	Florua	mg/l	KPH(0,2*)	0,36	0,3	0,4	KPH(0,2*)	1	1,5	1,5	2
12	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH(0,3*)	KPH(0,3*)	KPH(0,3*)	KPH(0,3*)	KPH(0,3*)	0,3	0,5	1	1
13	E.Coli	MPN/100ml	11	9	45	24	24	20	50	100	200
14	Coliform	MPN/100ml	453	453	164	288	288	2500	5000	7500	10000

Ghi chú:

- Thời gian lấy mẫu: tháng 2, 3, 5, 7, 9 năm 2022

- TH4: Cách trung tâm thị xã Quảng Trị 2 km về hạ lưu,

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Việc phân hạng A1, A2, B1, B2 nguồn nước mặt nhằm đánh giá và kiểm soát chất lượng nước, phục vụ cho các mục đích sử dụng nước khác nhau, được sắp xếp theo mức chất lượng giảm dần:

+ A1: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.

+ A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2.

+ B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

+ B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

+ KPH: Không phát hiện.

+ (-) Quy chuẩn không quy định.

Nhận xét: Nhìn chung, qua kết quả phân tích cho thấy tất cả các thông số phân tích để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt qua các đợt khảo sát đều nằm trong giới hạn cho phép cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn tiếp nhận nước thải

Trong khu vực Dự án có các ao nuôi cá của chủ dự án, nằm về phía Bắc dự án có khe nước tự nhiên chảy theo hướng Tây – Đông và chảy cắt qua kênh chính của hệ thống thủy lợi Nam Thạch Hãn, sau đó chảy theo hướng Tây Nam – Đông Bắc đổ vào sông Thạch Hãn cách dự án khoảng 2,4km về phía Đông Bắc. Như vậy, khe nước tự nhiên và sông Thạch Hãn là thủy vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn cũng như nước thải sau xử lý của dự án. Quá trình khảo sát khu vực cho thấy, khe nước tự nhiên phía Bắc không sử dụng cho mục đích sinh hoạt mà chỉ sử dụng cho mục đích tiêu thoát nước của khu vực.

Sông Thạch Hãn: có chiều dài là 46 km bắt nguồn từ các dãy núi lớn Động Sa Mui, Động Voi Mẹp (nhánh Rào Quán) và động Ba Lê, động Dang (nhánh Đakrông). Có 37 con sông gồm 17 sông nhánh cấp I với 3 nhánh tiêu biểu là Vĩnh Phước, Rào Quán và Cam Lộ, 13 sông nhánh cấp II, 6 sông nhánh cấp III. Cuối nguồn của sông Thạch Hãn đổ ra biển ở Cửa Việt.

Theo báo cáo Quy hoạch tổng thể tài nguyên nước tỉnh Quảng Trị đến năm 2010 có định hướng 2020, các thông số chính của lưu vực sông Thạch Hãn như sau:

- Diện tích lưu vực: 2.777 km².

- Mô đun dòng chảy: $M_0 = 44,8$ (l/s/km²).

- Lớp dòng chảy chuẩn: $Y_0 = 1.412,8$ (mm).

- Tổng lượng dòng chảy: $W = 3,92$ km³.

- Dòng chảy năm: Bình quân nhiều năm tại đầu mối Nam Thạch Hãn ($F_{lv} = 1.301$ km²):

- $Q_0 = 68,3$ m³/s

- $W_0 = 2.156,6 \times 10^6$ m³

+ Mức nước trung bình nhiều năm: + 0,4 m

+ Lưu lượng max: $Q_{max} = 8.000$ m³/s.

+ Lưu lượng min: $Q_{min} = 8 \div 10$ m³/s.

+ Lưu lượng trung bình: $Q_{TB} = 2.644$ m³/s.

2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Qua khảo sát cho thấy sông Thạch Hãn là thủy vực tiếp nhận nước thải của Dự án đầu tư. Tham khảo kết quả quan trắc nước mặt khu vực dự án tại bảng 3.2 cho thấy tất cả các thông số phân tích để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt qua các đợt khảo sát đều nằm trong giới hạn cho phép cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

CHƯƠNG IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án:

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của 20 công nhân trong giai đoạn thi công là không nhiều. Tuy nhiên, để hạn chế tối đa ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt tới môi trường, Chủ dự án đầu tư sẽ xây dựng nhà vệ sinh tự hoại 3 ngăn, quy hoạch vị trí có thể sử dụng trong giai đoạn vận hành.

Áp dụng phương thức tính toán thiết kế bể tự hoại của TS. Trần Đức Hạ - Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ và vừa - NXB KH&KT, Hà Nội 2002 để xây dựng bể phù hợp với lượng công nhân 20 người (sử dụng cho cả giai đoạn Dự án đi vào hoạt động).

+ Thể tích phần lắng của bể tự hoại: $W_1 = a.N.T_1/1.000$ (m³);

+ Thể tích phần chứa và lên men phân hủy cặn: $W_2 = b.N.T_2/1.000$ (m³);

Tổng thể tích bể tự hoại (W, m³): $W = W_1 + W_2$.

Trong đó:

N - số người sử dụng (*N*=20);

a - tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày (*a* = 100 lít/người.ngày × 100% = 100 L/người.ngày);

b - tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày; giá trị của *b* phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn khỏi bể; nếu thời gian giữa hai lần hút cặn < 1 năm thì *b*=0,1 L/người.ngày, nếu ≥ 1 năm thì *b*=0,08 L/người.ngày;

*T*₁ - thời gian lưu của bể tự hoại, thường lấy 1÷3 ngày (chọn 2 ngày);

*T*₂ - thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men; ta tính cho thời gian 1 năm (*T*₂ = 365 ngày);

$W_1 = (100 \text{ L/người.ngày} \times 20 \text{ người} \times 2 \text{ ngày})/1000 = 4 \text{ m}^3$

$W_2 = (0,08 \text{ L/người.ngày} \times 20 \text{ người} \times 365 \text{ ngày})/1.000 = 0,6\text{m}^3$

Vậy thể tích toàn bộ bể tự hoại là: $W = W_1 + W_2 = 4,6\text{m}^3$ (chọn 6m³). Kích thước bể tự hoại chọn như sau: 2×2×1,5m.

Nguyên lý hoạt động: Nước thải từ ngăn chứa 1 được dẫn qua ngăn thứ 2, tại đây quá trình phân hủy kỵ khí xảy ra sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải. Sau đó, nước thải được dẫn qua bể lắng cặn, tại ngăn này không có quá trình

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

xáo trộn nên các chất rắn hữu cơ sẽ lắng xuống phần không thể lắng sẽ được lọc trước khi thấm qua bể lọc cát và thải ra môi trường tiếp nhận.

Bên cạnh đó, để giảm thiểu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh, Chủ dự án sẽ áp dụng phương án tuyển chọn lao động tại địa phương để công nhân có thể về nhà sinh hoạt sau mỗi ca làm việc.

** Đối với nước thải xây dựng:*

- Sử dụng tiết kiệm nước trong quá trình thi công để hạn chế khối lượng nước thải phát sinh;

- Nước rửa dụng cụ xây dựng được thu gom vào một thùng phuy để lắng tạm rồi tái sử dụng cho mục đích trộn vữa, bảo dưỡng công trình xây dựng.

** Đối với nước mưa chảy tràn:*

Chủ dự án đã yêu cầu đơn vị thi công áp dụng các biện pháp như sau:

- Các loại CTR sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy tránh nước mưa cuốn trôi làm ô nhiễm thủy vực tiếp nhận. Đối với CTR xây dựng được tập kết tránh xa khu vực mương thoát nước mưa.

- Đối với hoạt động san nền và thi công được thực hiện theo hình thức cuốn chiếu, tránh thi công tràn lan gây nên ngập úng cục bộ trong khu vực dự án.

- Thực hiện việc thay thế dầu nhớt, dầu máy, sửa chữa máy móc, phương tiện tại các gara sửa chữa trên địa bàn để không làm phát sinh dầu mỡ thải trên công trường.

2.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

** Đối với rác thải sinh hoạt:*

- Chủ dự án đầu tư sẽ bố trí 01 thùng rác chuyên dụng loại 120 lít thu gom rác hàng ngày.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương để hạn chế lượng chất thải phát sinh trên công trường.

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình - Môi trường đô thị Quảng Trị thu gom xử lý đúng quy định.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân xây dựng, không vứt rác bừa bãi mà thu gom vào các thùng chứa rác.

** Đối với chất thải xây dựng:*

- Đối với các dạng sắt thép loại, vỏ bao xi măng,... loại thải sẽ được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua tái chế;

- Đối với các dạng gạch, đá, vữa thải loại,... sử dụng vào việc đắp nền móng

các công trình;

- Các loại không tận dụng được có thể thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt;

- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình - Môi trường đô thị Quảng Trị thu gom xử lý đúng quy định.

** Chất thải nguy hại*

Chất thải nguy hại giai đoạn này chủ yếu là dầu, mỡ thải, giẻ lau có dính dầu mỡ từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng xe, máy móc thi công, vì vậy Nhà thầu được yêu cầu áp dụng các biện pháp để xử lý như sau:

Đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng duy tu cho phương tiện, thiết bị thi công thì các đơn vị thi công xây dựng sẽ hợp đồng với các cơ sở sửa chữa trên địa bàn có đủ năng lực thực hiện. Do đó lượng chất thải nguy hại lớn như dầu thải sẽ không phát sinh trên khu vực công trường.

1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi và khí thải sẽ được thực hiện trong quá trình xây dựng cụ thể như sau:

- Lựa chọn nhà thầu thi công có đủ năng lực với các phương tiện thi công được đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn phát thải theo quy định của Quốc gia;

- Che chắn cẩn thận các bãi chứa nguyên vật liệu trong quá trình thi công để hạn chế bụi phát tán ra môi trường xung quanh;

- Sau mỗi ngày làm việc, bố trí công nhân quét dọn, thu gom rác thải, cát, đá, vữa rơi vãi trên công trường;

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi tới sức khỏe;

- Không tập trung các phương tiện, máy móc, thiết bị hoạt động cùng lúc tại một địa điểm cố định để hạn chế ô nhiễm cục bộ;

- Vào những ngày thời tiết khô hanh, bố trí công nhân tiến hành phun ẩm tại các vị trí có khả năng phát sinh nhiều bụi. Tăng tần suất phun ẩm lên 03 lần/ngày vào thời điểm có nắng to, gió mạnh.

- Sử dụng bạt che phủ thùng xe vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng để hạn chế đất, cát rơi vãi; làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành;

- Hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu trú, nhà thầu thi công sẽ xây dựng nội quy sinh hoạt, yêu cầu mọi người tuân thủ các biện pháp giữ gìn vệ sinh chung, đổ rác và đi vệ sinh đúng nơi quy định;

1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Chất lượng các máy móc, phương tiện vận chuyển bắt buộc phải đảm bảo đúng quy định. Tất cả các phương tiện phải đạt được “Giấy chứng nhận về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” nhằm ngăn ngừa sự phát ra tiếng ồn quá tiêu chuẩn từ các máy móc ít được tiến hành bảo dưỡng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị.

- Bố trí lịch thi công hợp lý, không thi công bằng các thiết bị cơ giới có khả năng gây ồn lớn trong thời gian yên tĩnh, tránh thi công vào thời gian từ 18h đến 6h sáng hôm sau.

- Không thi công với cường độ lớn, tránh thi công một lần nhiều hạng mục nhằm giảm sự cộng hưởng của tiếng ồn, độ rung.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình biện pháp xử lý nước thải

2.1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải chăn nuôi

Đặc thù của chăn nuôi gà là kỵ nước nên trong quá trình hoạt động Dự án sẽ không dùng nước để vệ sinh chuồng trại hàng ngày. Do đó không làm phát sinh nước thải thường xuyên trong quá trình chăn nuôi.

Theo quy trình chăn nuôi gà tại trang trại kéo dài 80 ngày/đợt nuôi, sau khi kết thúc mỗi đợt nuôi sẽ tiến hành thu gom phân cùng đệm lót sinh học đóng gói vào bao chứa thức ăn loại thải, sau đó mới tiến hành vệ sinh chuồng trại bằng nước. Do đó, nước thải chỉ phát sinh theo định kỳ 80 ngày/lần, quá trình vệ sinh lúc này sẽ sử dụng vòi nước phun áp lực để vệ sinh máng ăn, nùm uống và nền chuồng nuôi. Lượng nước sử dụng thực tế để vệ sinh chuồng trại khoảng 2,5 m³/lần. Lượng nước thải bằng khoảng 80% lượng nước cấp (phần mất đi do thấm thấu và bay hơi) và bằng 2 m³/lần vệ sinh.

Về thành phần: nước thải từ khâu vệ sinh chuồng trại của dự án sẽ có hàm lượng các chất như TSS, chất hữu cơ, Coliform có chứa trong phân gà, một phần nhỏ thức ăn của gà bị lẫn trong phân và rơi vãi trong quá trình thu gom phân.

Biện pháp xử lý: Với khối lượng nước thải phát sinh trong quá trình vệ sinh chuồng trại khoảng 2m³, một năm nuôi 4 lứa, Chủ dự án sẽ xây dựng bể chứa nước thải kích thước 2x2x2m, kết cấu bê tông xi măng, đáy lót lớp bê tông mác 250 dày 8cm, phía trên được đặt nắp đan bê tông để tránh mùi hôi phát tán ra bên ngoài. Định kỳ 1 năm/lần sẽ thuê Công ty Cổ phần Công trình - Môi trường đô thị Quảng

Trị thu gom, xử lý. Như vậy, đảm bảo nước thải chăn nuôi tại Trang trại không thải ra ngoài môi trường.

2.1.2. Nước thải sinh hoạt

Đối với nước thải sinh hoạt của 2 CBCNV có khối lượng khoảng 0,2 m³/ngày sẽ sử dụng lại hệ thống nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn đã được xây dựng ở giai đoạn thi công xây dựng. Với thể tích bể tự hoại đã được xây dựng là 6 m³ thì hoàn toàn đáp ứng được khả năng xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này.

2.2. Về công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm do mùi hôi

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của mùi hôi, trong chuồng nuôi đều có lắp đặt hệ thống quạt hút được bố trí 02 đầu nhà nuôi nhằm tạo không khí thoáng mát cho chuồng nuôi.

Bên cạnh đó, Chủ dự án sử dụng chế phẩm EM (là dòng chế phẩm vi sinh vật hữu hiệu gồm: vi khuẩn quang hợp, lactic, Bacillus subtilis, B. mesentericus, B. megaterium, xạ khuẩn, nấm men...) để khử mùi hôi trong chuồng trại, giảm thiểu sự phát triển của ruồi bọ, cải thiện sức khỏe và giảm stress cho vật nuôi, góp phần tăng năng suất, chất lượng thịt. Có nhiều cách sử dụng chế phẩm EM trong chăn nuôi hiện nay như cho vào thức ăn, nước uống của vật nuôi; phun xịt xung quanh chuồng trại. Liều dùng khi trộn vào thức ăn khoảng 3 – 5ml EM/1 kg thức ăn hoặc pha trực tiếp vào nước là 1 – 3ml EM/1 lít nước, dùng mỗi ngày. Nếu sử dụng để khử mùi hôi thì dùng 20 – 30ml EM hòa vào 8 lít nước phun trực tiếp vào chuồng trại, tần suất 7 ngày/lần.

Mùi hôi phát sinh từ bể chứa nước thải được hạn chế bằng cách thiết kế bể kín hoàn toàn, phía trên được đậy nắp đan bê tông để tránh mùi hôi phát tán ra bên ngoài.

Ngoài ra, Chủ dự án sẽ trồng cây xanh xung quanh khu vực làm hàng rào cách ly, điều này giúp hạn chế tối đa các tác động của mùi hôi phát sinh, đồng thời sẽ thực hiện thêm các biện pháp bổ sung sau:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho các công nhân trực tiếp lao động.
- Đối với khu vực cuối hồi nhà nuôi bố trí các tấm tôn dựng cao 3m để chắn mùi hôi từ quạt hút phát tán khu vực xung quanh.

2.2.2. Giảm thiểu mùi hôi từ hoạt động xuất bán

- Dưới các thùng chở gà sẽ được lắp đặt máng để hứng phân hoặc rải các lớp đệm lót sinh học (vỏ trấu), việc làm này sẽ hạn chế rất lớn việc phát sinh mùi hôi ra môi trường xung quanh.

- Đối với xe vận chuyển phải được che chắn 2 bên thùng để hạn chế đến mức thấp nhất mùi phát tán theo gió.

2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

2.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 2 CBCNV chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau... với khối lượng phát sinh là 1 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại theo quy định tại điều 75 Luật BVMT 2020, trong đó được chia thành các loại CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế như chai nhựa, chai thủy tinh, túi nilon còn có khả năng sử dụng; chất thải thực phẩm như thức ăn thừa, rau, củ quả thải,... và CTR sinh hoạt khác như bao bì ni lon hỏng, giấy lau,... Định kỳ 1 tuần/lần sẽ thuê Công ty Cổ phần Công trình - Môi trường đô thị Quảng Trị thu gom, xử lý.

2.3.2. Chất thải rắn sản xuất

Phân gà và vỏ trấu được thu gom chung sau khi gà được xuất chuồng, với khối lượng mỗi lần thu gom như sau:

- Phân gà: Định mức thải phân tính theo đầu gia cầm khoảng 0,1kg/con/ngày (thời điểm gà lớn nhất). Như vậy, với quy mô của dự án là 25.000 con/đợt thì khối lượng phân gà phát sinh hằng ngày là $25.000 \text{ con} \times 0,1 \text{ kg/ngày} = 2.500 \text{ kg/ngày}$.

- Vỏ trấu: Trang trại sử dụng vỏ trấu để làm đệm lót sinh học tại các chuồng nuôi để giảm thiểu mùi hôi với bề dày từ 8-10cm/chuồng. Như vậy, với tổng diện tích chuồng nuôi là 2.052m^2 thì khối lượng vỏ trấu cần cho chuồng trại là $205,2 \text{ m}^3$. Với tỷ trọng trấu khoảng $110\text{kg}/\text{m}^3$ thì lượng trấu cần sử dụng là 22,6 tấn.

- Đối với bao bì đựng thức ăn: Theo số liệu chương 1, lượng thức ăn gà tiêu thụ vào thời điểm tối đa là 0,81 tấn/ngày (810kg/ngày). Với trọng lượng 1 bao thức ăn là 40kg, mỗi ngày cần 21 bao. Như vậy, khối lượng vỏ bao thức ăn khoảng 4,2kg/ngày (mỗi vỏ bao nặng 0,2kg).

Biện pháp giảm thiểu:

- Đối với bao bì đựng thức ăn loại thải được thu gom, chứa trong kho chứa CTR diện tích 100m^2 , một phần được tận dụng để chứa phân gà bán, một phần bán cho các hộ cá nhân có nhu cầu thu mua. Nhà kho chứa CTR có chiều cao 3,5 m, sử dụng khung thép chịu lực và tôn lợp sóng dày 0,4 mm ngăn giữa kho chứa CTR thông thường có diện tích 80 m^2 và kho chứa CTNH có diện tích 20 m^2 . Kết cấu bằng khung thép chịu lực chính, tường bằng tôn lợp sóng dày 0,4 mm bao quanh. Mái lợp tôn sóng vuông xộp nhựa dày 0,4 mm; xà gồ thép, cửa kính khung nhôm.

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

Đối với CTR chăn nuôi như trâu trộn lẫn phân gà được ủ tại kho ủ 50m² sau đó đóng bao để bán cho các hộ gia đình hoặc cơ sở thu mua trồng trọt. Đối với bao bì đựng thức ăn được sử dụng để đóng gói trâu, phân gà.

2.3.3. Chất thải nguy hại

Do đặc trưng của ngành chăn nuôi có quy mô công nghiệp sử dụng các loại thuốc và vắc - xin nên sẽ phát sinh các loại CTNH như sau:

Bảng 4.1. Danh mục các loại CTNH của Trang trại

TT	Loại chất thải	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	1 kg/tháng
2	Kim tiêm, bao bì thuốc thú y đã sử dụng	5 kg/đợt
3	Gà chết do dịch	Tùy theo khả năng phòng dịch

Biện pháp giảm thiểu:

- Đối với CTNH được thu gom, chứa trong kho chứa CTNH diện tích 20m². Nhà kho chứa có chiều cao 3,5 m. Kết cấu bằng khung thép chịu lực chính, tường bằng tôn lợp sóng dày 0,4 mm bao quanh. Mái lợp tôn sóng vuông xấp nhựa dày 0,4 mm; xà gồ thép, cửa kính khung nhôm. Bên ngoài có dán biển báo CTNH theo quy định. Định kỳ 6 tháng/lần sẽ thuê đơn vị có năng lực thu gom xử lý, theo quy định.

- Đối với gà chết do dịch bệnh được thu gom, chôn tiêu hủy. Khu vực bố trí hố hủy xác có diện tích 100m², kích thước hố hủy xác tùy thuộc vào khối lượng gà cần tiêu hủy được cho xuống hố. Theo quy định tại QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTNT, chiều rộng hố chôn không quá 03m để dễ thao tác, chiều dài có thể 9 – 12m, chiều sâu 1,2 – 1,5m. Hố được lót bạt PVC (một loại vải cơ sở polyester filament và nhựa dán PVC dán hai mặt).

2.4. Về công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường

Đối với tiếng ồn, độ rung của phương tiện giao thông sẽ được áp dụng các biện pháp quản lý nội vi như sau:

- Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, phải có giấy đăng kiểm của cơ quan quản lý.

- Không nổ máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, sản phẩm.

Đối với tiếng ồn do gà kêu sẽ được áp dụng biện pháp sau: Trang trại áp dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp nên quá trình ăn, ngủ luôn đúng giờ làm vật nuôi không ở trong tình trạng đói nên chúng sẽ không kêu đòi ăn.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a. Đối với sự cố cháy nổ

Cháy nổ có thể xảy ra từ rất nhiều nguyên nhân, để phòng tránh sự cố cháy nổ, Chủ Dự án sẽ tiến hành thực hiện một số biện pháp sau:

- Bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂, cát. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Thiết kế hệ thống dẫn điện theo đúng quy định an toàn, thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện. Từ đó, sẽ giảm thiểu được sự cố cháy do chập điện, phóng điện xảy ra.

- Khi sự cố cháy nổ xảy ra, Chủ dự án cần phải thông báo kịp thời cho toàn bộ CBCNV trong Trang trại biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy đã được trang bị kịp thời dập tắt hoặc hạn chế đến mức thấp nhất đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

b. Đối với sự cố mưa bão

Để phòng chống các thiệt hại do sự cố do mưa bão gây nên Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh.

- Trước khi có mưa bão xảy ra, Chủ dự án sẽ thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu các sự cố có thể xảy ra.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau mưa bão.

- Khi có sự cố mưa bão xảy ra, Chủ dự án cần sơ tán công nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, sử dụng các trang thiết bị và nhân lực tại chỗ để khống chế các sự cố, đồng thời thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn cứu hộ tỉnh Quảng Trị, các ban ngành liên quan để kịp thời ứng cứu, xử lý sự cố xảy ra.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 4.2. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Các tác động	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí (1.000đ)	Thời gian thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan giám sát
Giai đoạn xây dựng					
- Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận tải, máy móc thi công, từ quá trình	- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu được phủ bạt kín khi hoạt động.	-	Trong suốt quá trình thi	Đơn vị thi công và Chủ	Chủ dự án
	- Tưới nước trên đường 200m đoạn ra vào dự án với tần suất	500/ngày.			

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

Các tác động	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí (1.000đ)	Thời gian thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan giám sát
đào, đắp đất...	tối thiểu 02 lần/ngày.				
- Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, máy móc.	- Các máy móc, phương tiện vận chuyển bắt buộc phải có giấy Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và BVMT phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	-			
- Nước thải sinh hoạt.	- Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn thể tích 6m ³ quy hoạch sử dụng cho giai đoạn hoạt động	-			
- Nước thải xây dựng.	- Quá trình thi công tận dụng tối đa nguồn nước phục vụ xây dựng công trình.	-			
- Nước mưa chảy tràn.	- Che đậy các vật liệu rời, thu dọn CTR thường xuyên tránh để nước mưa cuốn theo	-			
- CTR xây dựng.	- CTR xây dựng được phân loại, tận dụng để san nền	-			
- CTR sinh hoạt.	- Rác thải sinh hoạt thu gom vào 01 thùng rác loại 120L bố trí ở khu vực lán trại.	1.100			
	- Hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình - Môi trường đô thị Quảng Trị đưa đi xử lý.	Theo hợp đồng			
Giai đoạn hoạt động					
Bụi, khí thải, mùi hôi	- Áp dụng công nghệ chăn nuôi trại lạnh khép kín, sử dụng hệ thống xử lý nước thải khép kín để giảm thiểu tối đa mùi hôi	1.000	Trong suốt thời gian hoạt động của Dự án	Chủ dự án	Chủ dự án
	- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân: găng tay, khẩu trang, áo quần,...	15.000			
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Trang trại	20.000				
Nước thải sinh hoạt	Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn 6m ³	20.000			

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

Các tác động	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí (1.000đ)	Thời gian thực hiện	Cơ quan thực hiện	Cơ quan giám sát
Nước thải chăn nuôi	Xây dựng đường ống thu gom nước thải đưa vào bể chứa, định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị hút xử lý	25.000			
CTR sinh hoạt	Thu gom vào thùng chứa sau đó hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình - Môi trường đô thị Quảng Trị thu gom, xử lý	Đã mua giai đoạn thi công			
CTR sản xuất	- Đối với bao bì đựng thức ăn sẽ thu gom vào kho chứa diện tích 80m ² - Đối với phân gà được thu gom, đóng vào bao chứa thức ăn để bán cho các cơ sở, hộ dân trồng trọt	40.000 (kho chứa)			
CTNH	- Trang bị thùng rác loại 60L, chứa trong kho diện tích 20m ² , sau đó thuê đơn vị có năng lực thu gom xử lý CTNH	- 600 (thùng chứa) - 12.000 (kho chứa)			

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Mức độ chi tiết và tin cậy của các phương pháp trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.3. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp

TT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Nhận xét mức độ chi tiết và độ tin cậy của đánh giá
I	Giai đoạn xây dựng		
1	Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường không khí	- Phương pháp mô hình hóa	* <u>Nhận xét</u> : Các số liệu, hệ số sử dụng tính toán được lựa chọn dựa trên thông số thiết kế, khối lượng thi công của dự án và điều kiện tự nhiên khu vực dự án. Phương pháp mô hình hóa được công nhận và sử dụng rộng rãi. * <u>Độ tin cậy</u> : Cao
2	Đánh giá, dự báo tác động đến môi trường nước	- Phương pháp đánh giá nhanh	* <u>Nhận xét</u> : Đánh giá dựa trên kết quả tính toán theo hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập chưa thực sự phù hợp với điều kiện tại khu vực

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Trang trại chăn nuôi gà thịt tại thôn Tân Phước, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị.

TT	Nội dung đánh giá	Phương pháp đánh giá	Nhận xét mức độ chi tiết và độ tin cậy của đánh giá
			dự án. * <u>Độ tin cậy</u> : khá
3	Đánh giá, dự báo tác động do CTR, CTNH	- Phương pháp đánh giá nhanh - Phương pháp thống kê và liệt kê	* <u>Nhận xét</u> : Đánh giá chưa thực sự phù hợp với điều kiện tại khu vực dự án; các bảng số liệu liệt kê chỉ đánh giá ở mức bán định lượng. * <u>Độ tin cậy</u> : khá
II	Giai đoạn vận hành		
1	Đánh giá, dự báo tác động do bụi, khí thải	- Phương pháp đánh giá nhanh - Phương pháp mô hình - Phương pháp kế thừa	* <u>Nhận xét</u> : Đánh giá dựa trên kết quả tính toán theo hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới và kế thừa kết quả giám sát của một số dự án đã thực hiện. Sử dụng mô hình lan truyền chất thải để đánh giá ảnh hưởng đến khu dân cư * <u>Độ tin cậy</u> : Cao
2	Đánh giá, dự báo tác động do nước thải	- Phương pháp liệt kê - Phương pháp kế thừa	* <u>Nhận xét</u> : Đánh giá dựa trên kết quả giám sát của một số dự án đã thực hiện * <u>Độ tin cậy</u> : Cao
3	Đánh giá, dự báo tác động do chất thải rắn, CTNH	- Phương pháp kế thừa - Phương pháp liệt kê	* <u>Nhận xét</u> : Đánh giá định lượng được khối lượng chất thải phát sinh dựa trên số liệu một số trang trại đã hoạt động. * <u>Độ tin cậy</u> : Cao

CHƯƠNG V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt.

+ Nguồn số 2: Nước thải chăn nuôi

- Lưu lượng xả nước thải tối đa:

+ Lượng nước thải chăn nuôi có lưu lượng khoảng 2 m³/đợt nuôi (80 ngày).

+ Đối với nước thải sinh hoạt có khối lượng phát sinh khoảng 0,2 m³/ngày.

- Dòng nước thải: Lượng nước thải chăn nuôi có lưu lượng khoảng 2 m³/đợt nuôi (80 ngày) được thu gom vào bể chứa (tọa độ VN 2000 KTT 106°15', múi chiếu 3°, X: 1.846.671m; Y: 596.936m) và định kỳ 1 năm/lần thuê Công ty Cổ phần Công trình - Môi trường đô thị Quảng Trị thu gom xử lý. Không xả ra môi trường tại khu vực dự án. Đối với nước thải sinh hoạt được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn (tọa độ VN 2000 KTT 106°15', múi chiếu 3°, X: 1.846.537m; Y: 596.939m) và định kỳ 1 năm/lần thuê Công ty Cổ phần Công trình - Môi trường đô thị Quảng Trị thu gom xử lý.

2. Nội dung cấp phép đối với khí thải

Quá trình hoạt động của trang trại chỉ phát sinh bụi, mùi hôi từ các nguồn phân tán như giao thông, mùi hôi từ chuồng nuôi. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi như đề xuất tại chương IV. Do đó, Dự án không có nguồn phát sinh khí thải đề nghị cấp phép.

3. Nội dung cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của dự án chủ yếu phát sinh tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển thức ăn, sản phẩm và tiếng ồn từ gà kêu.

- Giới hạn đối với tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT (<70dBA).

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Dự án không có các công trình xử lý cần vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó, Chủ dự án không đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ và quan trắc tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

2.2.1. Giám sát chất lượng không khí

- Số lượng giám sát: 01 vị trí
- Vị trí giám sát: 01 vị trí cuối chuồng nuôi.
- Các thông số giám sát: H₂S, NH₃, CO, NO₂, SO₂, bụi.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc định kỳ hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc định kỳ hằng năm dự kiến khoảng 5.000.000 đồng.

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Cam kết đầu tư dự án xây dựng đúng với quy trình dự án trang trại sau khi có GPMT và xây dựng các công trình theo thiết kế của trại phải đúng như dự án được thông qua.
- Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Văn bản pháp lý liên quan đến dự án
- Sổ đỏ khu đất dự án;
- Bản vẽ thiết kế mặt bằng dự án;